TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NHA TRANG** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29/5/2024
V/v tranh chấp: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG,
TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Cát Hoàng Trân**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Xuân Vinh**
2. Bà **Võ Thị Bời**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Trần Thư Thư –** Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Nha Trang*** tham gia phiên tòa: Bà **Đinh Thị Bích Hương** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 1104/2023/TLST-HNGĐ ngày 01/11/2023 về tranh chấp *"Ly hôn"*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2024 và giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Trần Vũ K - Sinh năm: 1980
Địa chỉ: E L, P, N, Khánh Hòa.
Có mặt.

* Bị đơn: Bà Trịnh Thị L - Sinh năm: 1983
Địa chỉ: E L, P, N, Khánh Hòa.
Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Vũ K trình bày:*

Ông Trần Vũ K và bà Trịnh Thị L tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2011 đến nay có hai con chung. Nhưng thời gian gần đây vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống. Ông K cho rằng vợ chồng ông cùng sống với mẹ chồng nhưng bà L hay so đo việc mẹ chồng tốt với con gái ruột, có lúc dẫn đến ông K và chị gái không nói chuyện với nhau, gia đình bất hòa là do bà L gây ra. Những chuyện nhỏ nhặt này tích tụ mười mấy năm nay, ngoài ra không còn lý do nào khác. Nay ông cảm thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc, đôi bên không quan tâm gì đến nhau nên ông K xin ly hôn với bà L để cho mỗi người có cuộc sống riêng.

- Về con chung: Ông yêu cầu được nuôi cháu Trần Vũ M sinh năm 2011 và giao cháu Trần Thị Khánh V sinh năm 2015 cho bà L nuôi dưỡng

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

** Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bị đơn bà Trịnh Thị L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân bà thống nhất như lời ông K, cuộc sống hôn nhân của bà trước đây rất hạnh phúc và đã có hai con chung. Tuy nhiên, sau này chồng bà đã có hiểu lầm bà ngoại tình mà sinh ra nghi ngờ, lạnh nhạt với bà và đỉnh điểm là xin ly hôn. Nhưng bà xác định với tư cách là người vợ, người mẹ hay là người dâu con trong gia đình chồng, bà luôn làm tròn trách nhiệm và chưa làm gì sai trái, việc bà ngoại tình là suy nghĩ xuất phát từ cá nhân ông K, ông không cho bà giải thích nhưng lại không có bất cứ chứng cứ gì chứng minh. Gia đình nào vợ chồng cũng có bất đồng quan điểm nhưng không đáng kể, bản thân bà cũng sửa đổi tính tình theo thời gian, bà xác định chưa bao giờ hỗn hào với mẹ chồng hay chị chồng và mối quan hệ hiện giờ của đôi bên rất tốt nên bà mong Tòa xem xét cho vợ chồng bà được đoàn tụ với nhau vì bà rất thương chồng, thương con, luôn lo cho gia đình còn hơn bản thân bà, các con nhỏ đang tuổi lớn nên rất cần một gia đình hoàn chỉnh.

Về con chung: Có hai con chung cháu Trần Vũ M sinh năm 2011 và cháu Trần Thị Khánh V sinh năm 2015. Trường hợp nếu Tòa vẫn giải quyết cho vợ chồng bà ly hôn thì bà xin được nuôi hai cháu và không cần ông K cấp dưỡng

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì quan hệ hôn nhân của đôi bên chưa đến mức mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Vũ K và bà Trịnh Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa vào năm 2011; theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyển số 01/2011. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa. Ông K yêu cầu ly hôn với bà L là vì cách sống của bà L với gia đình chồng dẫn đến hiểu lầm, ảnh hưởng tình cảm chị em của ông K và mẹ ông K. Những mâu thuẫn này đã tích tụ dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nên ông xin ly hôn. Ông K luôn cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng ông là nhỏ nhặt ông không quan tâm, ngoài ra không còn lý do nào khác. Quá trình giải quyết vụ án, ông K không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc bà L vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạnh trầm trọng. Tại tòa, bà L cho rằng ông K ly hôn với bà là vì nghi ngờ bà ngoại tình nhưng ông K khẳng định bản thân bà L cũng chưa làm gì có lỗi với ông.

Bà L cùng các con hiện đang sống chung với ông K và mẹ chồng từ bao năm nay xuất phát từ tình yêu chồng, con và bà luôn tha thiết mong ông K đổi ý để gia đình được toàn tụ, và các con bà không phải chứng kiến việc chia ly.

Tại bản tự khai của hai con chung ông K và bà L, các cháu mong ba mẹ không ly hôn để các cháu có thể tiếp tục sống cùng nhau như hiện tại. Các con chung của

ông K, bà L đang trong độ tuổi vị thành niên, độ tuổi rất quan trọng trong việc hình thành nhân cách sau này nên rất cần sự chăm sóc cả ba lẫn mẹ.

Tại biên bản xác minh của Ủy ban nhân dân phường P – thành phố N ghi nhận "...không nhận được đơn yêu cầu hòa giải về mâu thuẫn gia đình của ông K và bà L".

Từ những phân tích trên, xét thấy mối quan hệ hôn nhân của ông K và bà L chưa đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn. Để tạo điều kiện cho ông K và bà L có thời gian suy nghĩ và có quyết định chính xác về mối quan hệ hôn nhân của mình, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông K về việc xin ly hôn với bà L.

[2] Về con chung: Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn nên không xem xét giải quyết

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn nên không xem xét giải quyết.

[4] Án phí: Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn nên ông Trần Vũ K phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;
- Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Vũ K.

2. Về con chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí: Ông Trần Vũ K chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2023/0000320 ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Ông K đã nộp đủ tiền án phí.

Quy định:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP. Nha Trang;
- Chi cục THADS TP Nha Trang;
- UBND P. Phước Tân – TP Nha Trang
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Cát Hoàng Trân